

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7- ĐẮK LẮK**

Bản án số: 19/2026/HNGĐ-ST

Ngày 20/3/2026

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Khắc Dũng và Ông Nguyễn Trọng Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yên – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Đắk Lắk tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 7- Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 181/2025/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 10 năm 2025, về việc *“Ly hôn và con chung”*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 02 năm 2026. Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn* : Bà Nguyễn N - Sinh năm: 1997.

Địa chỉ: Thôn V, phường T, tỉnh Khánh Hòa. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Trịnh Công K - Sinh năm: 1996.

Địa chỉ: số nhà 16, đường P, tổ dân phố 11, xã K, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** *Tại đơn khởi kiện ghi ngày 01/10/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn N trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Trịnh Công K tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 23/11/2018 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Hai vợ chồng chúng tôi chỉ chung sống với nhau một thời gian ngắn tại nhà bố mẹ tôi ở Nha Trang, Khánh Hòa thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chồng tôi đi làm ăn rồi chơi bời với bạn bè dẫn tới nợ nần, nhiều lần chủ nợ đến nhà đòi nợ, quấy rầy gia đình tôi, vì nợ nần nên chồng tôi còn cầm xe máy là phương tiện tôi dùng để đi làm hàng ngày. Đến tháng 10/2024 thì chồng tôi

bỏ về nhà bố mẹ chồng tôi tại số 16 đường P, tổ dân phố 11, xã K, tỉnh Đắk Lắk và sinh sống ở đó đến nay. Từ thời điểm đó vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, chồng không gửi tiền cấp dưỡng nuôi con. Vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, xét thấy vợ chồng tôi không còn tình cảm nên tôi làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Trịnh Công K.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng tôi có 01 con chung là Trịnh Nguyễn K, sinh ngày 14/02/2019. Sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con chung trưởng thành (tròn 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi và ông Trịnh Công K tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và ông Trịnh Công K tự nguyện thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần. Các thủ tục tố tụng được giao hợp lệ cho bị đơn ông Trịnh Công K theo quy định pháp luật nhưng ông K đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 7- Đắk Lắk đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Đắk Lắk phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Kiểm sát viên khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng; Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; về quan hệ hôn nhân: xử cho bà Nguyễn N được ly hôn với ông Trịnh Công K; về con chung: Giao con chung cho bà N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (tròn 18 tuổi).

Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn N phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thủ tục tố tụng:

Nội dung đơn khởi kiện bà Nguyễn N yêu cầu Tòa án giải quyết được xác định là quan hệ tranh chấp về “Ly hôn và con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn ông Trịnh Công K được Toà án triệu tập tham gia phiên toà hợp lệ lần 2, nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Trịnh Công K.

[2] Về nội dung khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn N với ông Trịnh Công K tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã K, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 23/11/2018. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại chính quyền nơi cư trú và lời trình bày của đương sự trong quá trình thu thập chứng cứ, xác định: Bà N và ông K chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do công việc làm ăn thua lỗ, nhiều lần xảy ra tranh cãi, tính cách, quan điểm sống không hòa hợp, không có tiếng nói chung, không quan tâm chăm sóc cho nhau, cho đến nay đã sống ly thân. Do đó, hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế, đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn N là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trịnh Nguyễn K sinh ngày 14/02/2019. Xét thấy, từ thời điểm vợ chồng sống ly thân, con chung được bà N trực tiếp chăm sóc, cháu K có điều kiện phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, cần tiếp tục giao cho bà N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và công nợ chung:* Không yêu cầu nên không giải quyết.

[3] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn bà Nguyễn N phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002870, ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn N.

1. Về qua hệ hôn nhân: Bà Nguyễn N được ly hôn với ông Trịnh Công K.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trịnh Nguyễn H, sinh ngày 14/02/2019 cho bà Nguyễn N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi cháu H trưởng thành (tròn 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn N không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn N phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002870, ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7;
- Phòng THADS;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Trí Lý